

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/KDTM-ST

Ngày: 15-6-2026

*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường;

2. Bà Ngô Hồng Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H – Giám đốc
Địa chỉ trụ sở: Đường số A, KCN H, phường L, Thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Khánh L (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Đường số A, KCN H, phường L, Thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1); (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T – Tổng giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ như sau:

Công ty Đ và Công ty Đ1 có mối quan hệ hợp tác từ năm 2019. Việc đặt hàng giữa công ty Đ và công ty Đ1 được thực hiện bằng điện thoại và qua ứng dụng zalo.

Trong năm 2020, phía Công ty Đ1 còn nợ hai lần thanh toán của các lần giao hàng, cụ thể:

- Vào ngày 20/02/2020, 21/02/2020 và ngày 05/3/2020 Công ty Đ đã giao tổng cộng 09 loại hàng hóa với giá trị đơn hàng là 36.949.298 đồng (có Biên bản giao nhận và hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo), địa điểm giao hàng là Nhơn Hội, Q, Bình Định là nơi Công ty Đ1 đang thi công công trình.

- Ngày 16/4/2020, Công ty Đ đã giao 01 loại hàng hóa với giá trị đơn hàng là 10.707.840 đồng (có Biên bản giao nhận và hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo), địa điểm giao hàng là Nhơn Hội, Q, Bình Định là nơi Công ty Đ1 đang thi công công trình.

Các đơn đặt hàng này là các đơn đặt hàng phát sinh từ các hợp đồng trước đó, do Công ty Đ1 bị thiếu hàng nên đặt thêm. Vì vậy, Công ty Đ và Công ty Đ1 không ký lại hợp đồng mới.

Đến ngày 20/7/2021, Công ty Đ và Công ty Đ1 ký kết hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADPMT-620IDIDC ngày 20/7/2021, Công ty Đ sẽ cung ứng cho Công ty Đ1 hàng hóa là ống nhựa xoắn HDPE chịu lực, theo hợp đồng nguyên tắc thì đơn đặt hàng được chuyển qua Email nên dựa vào từng lần đặt hàng phía công ty sẽ bàn giao hàng theo từng đơn cụ thể.

Trong năm 2021 hai bên phát sinh nhiều đơn đặt hàng phía Công ty Đ1 có thanh toán tiền hàng cho Công ty Đ và nợ lại một đơn hàng duy nhất theo biên bản giao nhận hàng ngày 31/7/2021, địa điểm giao hàng Nhơn Hội, Q, Bình Định là nơi Công ty Đ1 đang thi công công trình. Giá trị của đơn hàng này là 44.187.702 đồng.

Công ty Đ gửi hồ sơ tài liệu đề nghị thanh nợ cho công ty Đ1 bằng đường bưu điện, nhưng công ty Đ1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Trong các tài liệu nguyên đơn cung cấp có 02 chứng từ thanh toán vào tài khoản của Công ty Đ mở tại Ngân hàng TMCP C là các khoản nợ của Công ty Đ1 và tiền tạm ứng đặt hàng của Công ty Đ1, Công ty Đ đã cân đối các khoản công nợ giữa Công ty Đ và Công ty Đ1 để trừ nợ cho Công ty Đ1.

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất thì phía Công ty Đ xác định Công ty Đ1 còn nợ cụ thể như sau:

- Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng số 0000932 ngày 16/5/2020, giá trị đơn hàng là 10.707.840 đồng, nợ lại 10.707.840 đồng.

- Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng số 0000653 ngày 09/3/2020, giá trị đơn hàng là 36.949.298 đồng, giá trị đã thanh toán là 5.743.236 đồng, còn nợ lại 31.206.062 đồng.

- Căn cứ hóa đơn số 0000837 ngày 11/8/2021, giá trị đơn hàng là 44.187.702 đồng, còn nợ lại 44.187.702 đồng.

Theo đối chiếu công nợ ngày 24/02/2025 giữa Công ty Đ và Công ty Đ1 được công ty Đ1 xác nhận là đúng, thì hiện nay Công ty Đ1 còn nợ tiền hàng Công ty Đ là 86.101.604 đồng. Dù đã nhiều lần liên hệ qua số điện thoại, qua Email để yêu cầu phía Công ty Đ1 thanh toán nhưng phía công ty vẫn liên tục lẩn tránh, không hợp tác.

Nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chấm dứt hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADPMT-620IDIC ngày 20/7/2021 giữa Công ty Đ và Công ty Đ1.

- Buộc Công ty Đ1 phải thanh toán tiền hàng còn nợ là 86.101.604 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 9%/năm tạm tính từ 31/12/2021 (là ngày hết hiệu lực hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADPMT-620.DIC giữa Công ty Đ và Công ty Đ1) và tiếp tục tính lãi cho đến ngày phía bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

Đối với bị đơn Công ty Đ1, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Đ1 nhưng bị đơn Công ty Đ1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ, cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân, Thư ký phiên tòa theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, về phía bị đơn công ty vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 52, Điều 54, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ đối với bị đơn Công ty cổ phần Đ1.

Chấm dứt hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty cổ phần Đ1.

Buộc Công ty cổ phần Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền còn nợ 86.101.604 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 34.548.269 đồng. Công ty cổ phần Đ1 tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí : Công ty cổ phần Đ1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Đ1 thanh toán tiền mua bán hàng hóa, Công ty Đ1 có địa chỉ trụ sở tại ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

[1.2] Bị đơn Công ty Đ1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đơn Công ty Đ1.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Đ khởi kiện chấm dứt hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021 về việc cung cấp

ống nhựa xoắn HDPE giữa Công ty Đ và Công ty Đ1; Công ty Đ yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ là 86.101.604 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 9%/năm tạm tính từ 31/12/2021 đến khi Công ty Đ1 thanh toán xong khoản nợ.

[2.1] Xét thấy, vào ngày 20/7/2021, Công ty Đ (bên A) và công ty Đ1 (bên B) đã ký kết hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021 về việc cung cấp ống nhựa xoắn HDPE, theo khoản 1.1 Điều Hợp đồng nêu trên thì Công ty Đ đồng ý bán và Công ty Đ1 đồng ý mua hàng hóa ống xoắn, nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng được ký kết giữa Công ty Đ và Công ty Đ1 là hợp đồng mua bán hàng hóa theo Điều 24 Luật thương mại 2005, được sửa đổi bổ sung 2025.

Tại Điều 7 Hợp đồng, 02 bên thỏa thuận hợp đồng có hiệu lực từ ký cho đến hết ngày 31/12/2021.

Do đó, Công ty Đ yêu cầu chấm dứt hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về việc yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ và trả lãi chậm trả:

[2.2.1] Căn cứ Điều 3 hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty Đ và Công ty Đ1 quy định về thanh toán thì *“bên A tạm ứng 100% giá trị đơn hàng cho bên B trong vòng 03 ngày kể từ ngày hai bên xác nhận đơn hàng và bên A nhận được giấy đề nghị tạm ứng của bên B.”*

Bên B cung cấp hồ sơ thanh toán cho bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng giao nhận”

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tiền hàng hóa được thanh toán trước khi Công ty Đ tiến hành giao hàng, nên có căn cứ xác định tiền tạm ứng giá trị hàng hóa tại Điều 3 của hợp đồng cũng là tiền thanh toán mua hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty Đ cung cấp có 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000932 ngày 16/5/2020 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000653 ngày 09/3/2020 là trước ngày kết ký hợp đồng nguyên tắc nêu trên. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Thuế tỉnh Tây Ninh cung cấp thì Công ty Đ1 đã sử dụng các hóa đơn giá trị tăng số 0000932 ngày 16/5/2020, 0000653 ngày 09/3/2020 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000837 ngày 11/8/2021 để hạch toán thuế chi phí đầu vào của Công ty Đ1. Đồng thời căn cứ vào đối chiếu công nợ vào ngày 24/02/2025 giữa Công ty Đ và Công ty Đ1, có căn cứ xác định Công ty Đ1 còn nợ mua hàng hóa của Công ty Đ là 86.101.604 đồng, bao gồm 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000932 ngày 16/5/2020 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000653 ngày 09/3/2020.

[2.2.2] Về thời gian tính lãi: Như nội dung đã nêu ở mục [2.2.1] các bên trong hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận tiền hàng hóa sẽ thanh toán khi hai bên xác nhận đơn hàng.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại quy định *“bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên*

thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”

Tuy nhiên, Công ty Đ chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 31/12/2021 là có lợi cho công ty Đ1 nên được chấp nhận.

Tại hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021, giữa Công ty Đ và Công ty Đ1 không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, nên căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 áp dụng lãi suất nợ quá trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán của 03 Ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N1 để xác định lãi suất quá hạn.

Tại Công văn số 403/NHN_oCD ngày 11/5/2026 của Ngân hàng N1 Chi nhánh C1 cung cấp thông tin lãi suất đối với khoản vay ngắn hạn lãi suất từ 10%-11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy lãi suất quá hạn là 15,75%/năm, tương ứng với 1,3%/tháng.

Tại Công văn số 17/VB-CNBLU ngày 13/5/2026 của Ngân hàng TMCP C Chi nhánh B cung cấp thông tin lãi suất đối với khoản vay ngắn hạn lãi suất là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy lãi suất quá hạn là 15,75%/năm, tương ứng với 1,3%/tháng.

Tại Công văn số 173/VB-CNBLU ngày 08/5/2026 của Ngân hàng TMCP N Chi nhánh B cung cấp thông tin lãi suất đối với khoản vay ngắn hạn lãi suất từ 8,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, lãi suất quá hạn là 13,2%/năm, tương ứng với 1,1%/tháng.

Lãi suất nợ quá hạn trung bình được xác định như sau: $(1,3+1,3+1,1)/3=1,2\%/tháng$.

Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía Công ty Đ chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 9%/năm, tương ứng với 0,75%/tháng là có lợi cho Công ty Đ1 nên được chấp nhận.

Do đó tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm được xác định như sau: 86.101.604 đồng x 0,75%/tháng x 04 năm 05 tháng 15 ngày = 34.548.269 đồng.

Từ những nội dung được phân tích tại mục [2.2.1] , [2.2.2] Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, chấm dứt hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021, giữa công ty Đ và Công ty Đ1, Công ty Đ1 có trách nhiệm thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 86.101.604 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét sơ thẩm là 34.548.269 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 6 – Tây Ninh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Đ1 phải chịu toàn bộ án kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch và có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 52, Điều 54, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2025 ;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ đối với bị đơn Công ty cổ phần Đ1.

Chấm dứt hợp đồng nguyên tắc số 2007/2021/ADTPMT-620IDIC ngày 20/7/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty cổ phần Đ1.

Buộc Công ty cổ phần Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ số tiền còn nợ là 86.101.604 (T1 mười sáu triệu một trăm linh một nghìn sáu trăm linh bốn) đồng và tiền lãi 34.548.269 (Ba mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,75%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương sơ thẩm là 9.032.494 đồng (bao gồm án phí có giá ngạch và án phí không có giá ngạch). H1 lại cho Công ty Cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí là 6.018.408 đồng theo các biên lai thu số 0013426, 0013427 cùng ngày 26/11/2025, 0007121 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Chi cục THADS Khu vực 6 – Tây

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Ninh;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Nguyễn Võ Thu Xuân